

RIBOMIN

Hộp 30 gói thuốc bột pha hỗn dịch uống
Kích thước : 105 x 45 x 85 mm

512/161

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 27/03/2018

Hộp 30 gói thuốc bột pha hỗn dịch uống

RIBOMIN



Vitamin A	2000 IU
Vitamin B1	1.2 mg
Vitamin B2	1.2 mg
Vitamin B3	12.0 mg
Vitamin B5	5.0 mg
Vitamin B6	1.4 mg
Vitamin B12	0.002 mg
Vitamin C	70.0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8.0 mg



Hộp 30 gói x 2 g thuốc bột pha hỗn dịch uống

Thành phần	2000 IU
Vitamin A	1.2 mg
Vitamin B1	1.2 mg
Vitamin B2	12.0 mg
Vitamin B3	5.0 mg
Vitamin B5	1.4 mg
Vitamin B6	0.002 mg
Vitamin C	70.0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8.0 mg

Tá dược: và 1 gói
Chỉ định, Chống chỉ định, Liều lượng, Cách dùng,
Trọng lượng, Tác dụng không mong muốn, Thận trọng
và các hướng dẫn khác. Xin đọc hướng dẫn sử dụng.
Bảo quản nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng, tránh ẩm,
Tuyệt đối tránh trẻ em.
Số đăng ký:
SDC - Reg. No.

ĐỀ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!



CÔNG TY TNHH HASAN - DERMAPHARM
Số 2, KCN Đông An, Bình Dương, Việt Nam



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Trần Đình Hùng

RIBOMIN



Vitamin A	2000 IU
Vitamin B1	1.2 mg
Vitamin B2	1.2 mg
Vitamin B3	12.0 mg
Vitamin B5	5.0 mg
Vitamin B6	1.4 mg
Vitamin B12	0.002 mg
Vitamin C	70.0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8.0 mg



Hộp 30 gói x 2 g thuốc bột pha hỗn dịch uống

Composition	2000 IU
Vitamin A	1.2 mg
Vitamin B1	1.2 mg
Vitamin B2	12.0 mg
Vitamin B3	5.0 mg
Vitamin B5	1.4 mg
Vitamin B6	0.002 mg
Vitamin C	70.0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8.0 mg

Excipients: 1 sachet
Indications, Contraindications, Dosage and
Administration, Interactions, Undesirable effects,
Precautions and other information: Read carefully the
enclosed leaflet.
Store in a dry place, below 30°C.
Protect from light and humidity.
Manufacturer's specification.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE DIRECTIONS BEFORE USE!



HASAN - DERMAPHARM CO., LTD.
Road No. 2, Dong An Industrial Park, Binh Duong, Vietnam



8 19360241395094

Số lô SX - Batch No.:
NSX - Mfg. Date:
HD - Exp. Date:

105.00 mm

45.00 mm

85.00 mm

Handwritten text in red ink, possibly a date or signature, located on the left margin.

Faint handwritten text at the bottom of the page, possibly a signature or date.

RIBOMIN

Gói 2 g thuốc bột pha hỗn dịch uống

Kích thước: 50 x 80 mm

Chiều cuộn nhôm

80.00 mm

50.00 mm



Thành phần

Vitamin A	2000 IU
Vitamin B1	1,2 mg
Vitamin B2	1,2 mg
Vitamin B3	12,0 mg
Vitamin B5	5,0 mg
Vitamin B6	1,4 mg
Vitamin B12	0,002 mg
Vitamin C	70,0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8,0 mg
Tá dược	vd 1 gói

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KÍ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!**

Số lô SX - HD:

Thành phần

Vitamin A	2000 IU
Vitamin B1	1,2 mg
Vitamin B2	1,2 mg
Vitamin B3	12,0 mg
Vitamin B5	5,0 mg
Vitamin B6	1,4 mg
Vitamin B12	0,002 mg
Vitamin C	70,0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8,0 mg
Tá dược	vd 1 gói

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KÍ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!**

Số lô SX - HD:

Thành phần

Vitamin A	2000 IU
Vitamin B1	1,2 mg
Vitamin B2	1,2 mg
Vitamin B3	12,0 mg
Vitamin B5	5,0 mg
Vitamin B6	1,4 mg
Vitamin B12	0,002 mg
Vitamin C	70,0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8,0 mg
Tá dược	vd 1 gói

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KÍ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!**

Số lô SX - HD:

Thành phần

Vitamin A	2000 IU
Vitamin B1	1,2 mg
Vitamin B2	1,2 mg
Vitamin B3	12,0 mg
Vitamin B5	5,0 mg
Vitamin B6	1,4 mg
Vitamin B12	0,002 mg
Vitamin C	70,0 mg
Vitamin D3	400 IU
Vitamin E	8,0 mg
Tá dược	vd 1 gói

**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KÍ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!**

Số lô SX - HD:



TỔNG GIÁM ĐỐC
DS. Trần Đình Hùng

RIBOVMIN

Đề xà tâm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

THÀNH PHẦN, HÀM LƯỢNG CỦA THUỐC

- Dược chất:**
 - Vitamin A 2000 IU; thiamin hydrochlorid (Vitamin B1) 1,2 mg; riboflavin natri phosphat (Vitamin B2) 1,2 mg; niacinamid (Vitamin B3) 12 mg; calci-D-pantothenat (Vitamin B5) 5 mg; pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6) 1,4 mg; cyanocobalamin (Vitamin B12) 0,002 mg; acid ascorbic (Vitamin C) 70 mg; cholecalciferol (Vitamin D3) 400 IU; alpha tocopherol/acetat (Vitamin E) 8 mg.
- Tá dược:** Glucose khan, bột hương cam, bột hương vani.

MỘT SỐ SẢN PHẨM

Thuốc bột màu vàng nhạt, đồng nhất, khô tơi, thơm mùi cam và mùi vani, vi ngọt nhẹ.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 30 gói x 2 g thuốc bột pha hỗn dịch uống. Gói giấy/Al/PE.

THUỐC DÙNG CHO BỆNH GI

- Bổ sung các vitamin cần thiết cho cơ thể trong độ tuổi phát triển của trẻ.
- Bổ sung và phòng chống tình trạng thiếu vitamin khi chế độ ăn uống không đủ chất dinh dưỡng, giai đoạn phục hồi sau khi ốm.
- Bổ sung vitamin trong giai đoạn cơ thể có nhu cầu vitamin nhiều hơn, đặc biệt vào những lúc chuyển mùa.

NÊN DÙNG THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO

Luôn dùng thuốc theo tờ hướng dẫn sử dụng này hoặc theo dùng hướng dẫn của bác sĩ hoặc dược sĩ. Kiểm tra lại với bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn không chắc chắn về cách dùng thuốc.

Liều dùng

- Theo sơ sinh:* 1/2 – 1 gói/ngày.
- Theo em và người lớn:* 1 – 2 gói/ngày.

Cách dùng

- Hoàn tan gói thuốc trong 30 ml nước ấm đã đun sôi.
- Dùng trong khi ăn, hoặc theo chỉ định của bác sĩ tùy theo trường hợp.

KHI NÀO KHÔNG NÊN DÙNG THUỐC NÀY

- Đi uống với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Uống kèm, bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết đường ruột, bệnh huyết áp nặng.
- Bệnh nhân có địa địa ứng (hen, eczema).

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Cũng giống như tất cả các thuốc khác, Ribomin có thể gây ra một số tác dụng không mong muốn, mặc dù không phải bệnh nhân nào cũng gặp phải.

Vitamin A

Các tác dụng phụ và tác dụng có hại sẽ xuất hiện khi dùng vitamin A liều cao, dài ngày hay khi uống phải một liều vitamin A rất cao (xem thêm mục "Yêu cầu liều" và "triệu chứng khi dùng thuốc quá liều").

Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1)

Các phản ứng có hại của thiamin rất hiếm và thường theo kiểu dị ứng. Các phản ứng quá mẫn xảy ra chủ yếu khi tiêm.

Hiếm gặp (có thể ảnh hưởng tới ít hơn 1 người trong 1000 người): ra nhiều mồ hôi, sưng mắt, tăng huyết áp cấp, ban da, ngứa, mày đay, khó thở, kích thích tại chỗ tiêm.

Riboflavin (Vitamin B2)

Không thấy có tác dụng không mong muốn khi sử dụng riboflavin. Dùng liều cao riboflavin thì nước tiểu sẽ chuyển màu vàng nhạt, gây sai lệch đối với một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm.

Niacinamid (Vitamin B3)

Liều nhỏ niacinamid thường không gây độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao có thể xảy ra một số tác dụng không mong muốn sau đây (những tác dụng này sẽ hết sau khi ngưng thuốc):

Thường gặp (có thể ảnh hưởng tới nhiều hơn 1 người trong 100 người): buồn nôn, đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rát bỏng, buồn hoặc đau nhói ở da.

Hiếm gặp (có thể ảnh hưởng tới ít hơn 1 người trong 1000 người): loét da dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đi, đầy hơi, tiêu chảy. Khô da, tăng sắc tố, vàng da, phát ban, suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, làm biến mất nặng thêm; tăng glucose huyết, tăng uric huyết, cơn phê vi huyết quàn, đau đầu và nhin mờ, khó mắt, sưng phồng mí mắt, chóng mặt, tim đập nhanh, ngứa, thờ khờ khạo.

Hiếm gặp (có thể ảnh hưởng tới ít hơn 1 người trong 1000 người): 10 lạng, hót hoàng, glucose niệu, chốc nang gan bất thường, thời gian prothrombin bất thường, ha albumin huyết, cholestyramin vôi, mất ngủ, đau cơ, hạ huyết áp và viêm mũi.

Calci D-pantothenat (Vitamin B5)
Vitamin B5 được báo cáo thường không gây độc tính.

Panthenol (Vitamin B5)
Vitamin B5 được báo cáo thường không gây độc tính.

Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6)
Đau đầu, có giá trị (sau khi tiêm tĩnh mạch liều cao); 10 mg, buồn ngủ, nhiễm acid, acid folic giảm; buồn nôn, nôn, AST tăng; đi tiểu; cảm giác nóng rát, ngứa có thể xảy ra khi tiêm bắp hoặc tiêm dưới da; dùng liều 200 mg/ngày và trên 2 tháng có thể gây viêm dây thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ dạng tê không vững và tê công hàn chân đến tê công và yung và bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngưng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại اثر nhiều đi chứng.

Cyanocobalamin (Vitamin B12)
Hiếm gặp (có thể ảnh hưởng tới ít hơn 1 người trong 1000 người): phản ứng phản vệ, sốt, đau đầu, hoa mắt, co thắt phế quản, phù mạch miệng – hầu; phản ứng dạng trứng cá, mày đay, ban đỏ, ngứa, đau, xơ cứng tại chỗ viêm, tụ máu ở chi sau khi tiêm; buồn nôn, loạn nhịp tim thứ phát.

Acid ascorbic (Vitamin C)
Thường gặp (có thể ảnh hưởng tới nhiều hơn 1 người trong 100 người): tăng oxalat niệu.

Hiếm gặp (có thể ảnh hưởng tới ít hơn 1 người trong 1000 người): thiếu máu tan máu; bưng đờ, suy tim; xilic, chóng mặt, nhức đầu, mệt mỏi; buồn nôn, nôn, cơ nóng, đau bụng; cơ thất cơ bụng; đầy bụng, tiêu chảy; đau cơ xương.

Cholecalciferol (Vitamin D3)
Dùng vitamin D với liều không vượt quá nhu cầu sinh lý thường không độc. Tuy nhiên, có thể xảy ra quá liều vitamin D khi điều trị liều cao hoặc kéo dài hoặc khi tăng nhu cầu vitamin D các thuốc tương tự vitamin D và sẽ dẫn đến những biểu hiện lâm sàng của tăng calci huyết. Nguy cơ tăng calci huyết và tăng phospho huyết:

Triệu chứng cấp: Chán ăn, nhức đầu, buồn nôn, đau bụng, táo bón.

Triệu chứng mạn: Calci hóa các mô mềm, loạn đường calci hóa, rối loạn thần kinh cảm giác.

Alpha tocopherol (Vitamin E)
Vitamin E thường dùng nạp tốt. Các tác dụng không mong muốn có thể xảy ra khi dùng liều cao, kéo dài, thêm tĩnh mạch, nhất là khi dùng cho trẻ sinh non, nhẹ cân lúc mới sinh.

Đau đầu, chóng mặt; mờ mắt; buồn nôn, tiêu chảy; đau bụng, rối loạn tiêu hóa, viêm ruột hoại tử; bất thường ở tuyến sinh dục, đau nhức vú, tăng cholesterol và triglycerid huyết thanh,

giảm thyroxin và triiodothyronin huyết thanh, creatinin niệu, tăng creatin kinase huyết thanh, tăng estrogen và androgen trong nước tiểu; phát ban, viêm da, mệt mỏi, viêm tĩnh mạch huyết khối.

Nếu bạn gặp phải bất kỳ tác dụng không mong muốn nào kể cả những tác dụng không mong muốn không được liệt kê ở mục này, thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ.

NÊN TRÁNH NHỮNG THUỐC HOẶC THỤ C PHẠM GI
KHI DÙNG SỮ DÙNG THUỐC NÀY
Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu bạn đang hoặc vừa mới sử dụng thuốc nào khác. Vitamin B12 có thể ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc khác và ngược lại nếu sử dụng đồng thời, đặc biệt là các thuốc sau:

- Neomycin, cloramphenicol (kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn).
- Cholestyramin, colestipol (thuốc điều trị tăng cholesterol trong máu).
- Orlistat (thuốc giảm cân).
- Warfarin và các thuốc chống đông máu khác.
- Các thuốc chẹn thần kinh cơ.
- Cloprromazin (thuốc điều trị các bệnh về tâm thần).
- Imipramin, amitriptylin (thuốc điều trị trầm cảm).
- Adriamycin (thuốc điều trị ung thư).
- Isoniazid (thuốc điều trị bệnh lao).
- Levodopa (thuốc điều trị Parkinson).
- Phenylephrin, phenobarbital (thuốc điều trị động kinh).
- Thuốc tránh thai.
- Hydralazin (thuốc điều trị tăng huyết áp).
- Penicillamin (thuốc điều trị nhiễm độc hoặc các bệnh về khớp).
- Colchicin (thuốc điều trị bệnh gút).
- Acid acetylsalicylic và các dạng muối.
- Thuốc đối kháng thụ thể histamin H₁.
- Corticosteroid (thuốc kháng viêm, điều trị hen suyễn, dị ứng và một số bệnh khác).
- Glycosid trọng tâm (điều trị các bệnh về tim).
- Thuốc điều trị tăng cholesterol nhóm statin, thuốc hạ đường huyết, insulin, carbamazepin (thuốc an thần), thuốc có nguy cơ gây độc gan.
- Aspirin (thuốc kháng viêm, chống kết tập tiểu cầu).

CẢNH LÂM GI KHỊ MỘT LẦN QUÊN DÙNG THUỐC
Nếu quên dùng thuốc, uống ngay sau khi nhớ ra. Nếu thời gian nhớ ra gần với thời điểm uống liền tiếp theo, hãy bỏ qua liều đã quên và tiếp tục uống liều tiếp theo như thường lệ. Không uống liều gấp đôi để bù cho liều đã quên.

CẢNH BẢO QUẢN THUỐC NÀY NHƯ THẾ NÀO
Bảo quản thuốc nơi khô, dưới 30°C. Tránh ánh sáng.
Không sử dụng thuốc sau khi hết hạn sử dụng được ghi trên hộp thuốc và gói thuốc.
Không nên vứt bất kỳ loại thuốc nào vào nước thải hay rác sinh hoạt. Hỏi ý kiến dược sĩ cách bỏ thuốc khi không sử dụng nữa. Những biện pháp này sẽ giúp bảo vệ môi trường.

NHỮNG DẤU HIỆU VÀ TRIỆU CHỨNG KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU
Dùng thuốc liều cao và kéo dài có thể dẫn đến quá liều các vitamin với các triệu chứng lâm sàng đặc trưng như sau:
Ngộ độc mức độ nhẹ vitamin A: mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sút cân, nôn, rối loạn tiêu hóa, sốt, gan lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô gàu, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương và khớp. Ở trẻ em các triệu chứng ngộ độc mãn tính còn gồm cả tăng áp lực hộp sọ (thóp căng), phù gai mắt, ỉa, rối loạn thị giác, sưng đau dọc các xương dài. Khi ngưng dùng vitamin A thì các triệu chứng cũng mất dần nhưng xương có thể ngừng phát triển do các đầu xương dài đã cốt hóa quá sớm.
Ngộ độc cấp vitamin A: buồn ngủ, chóng mặt hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, viêm da, chảy máu, ... Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống liều rất cao vitamin A từ 6 – 24 giờ.
Triệu chứng quá liều vitamin D: Triệu chứng sớm của tăng calci huyết gồm yếu cơ, mệt mỏi, ngứa gãi, đau đầu, chán ăn, khó miệng, có vi kim loại, buồn nôn, nôn, đau bụng, táo bón, chóng mặt, ứ trệ, mất phối hợp đồng tác, phát ban, giảm tương lực cơ, đau cơ, xương. Triệu chứng muộn do hậu quả của tăng calci huyết gồm với hoa thân, sỏi thận, tổn thương thận (tiểu nhiễm, tiểu đục, uống nhiều, nước tiểu giảm cô đặc).
Pyridoxin (Vitamin B6) thường được coi là không độc, nhưng khi dùng liều cao (như 2 g/ngày hoặc hơn) kéo dài (trên 30 ngày) có thể gây các hội chứng về thần kinh cảm giác, mất điều phối. Biểu hiện ở mắt y thực về vi tri và rạn của các đầu chi và mắt phối hợp đồng tác giác quan dần dần. Xúc giác, phân biệt nóng lạnh và đau ít bị hơn.

CẦN PHẢI LÀM GI KHI DÙNG THUỐC QUÁ LIỀU KHUYẾN CAO
Nếu bạn dùng quá liều khuyến cáo hoặc nghi ngờ uống quá liều, liên hệ ngay với bác sĩ hoặc tới bệnh viện gần nhất. Mang theo bao bì ngoài của thuốc để bác sĩ chắc chắn bạn đã quá liều thuốc nào.
NHỮNG ĐIỀU CẦN TRẦN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC NÀY
- Thông báo với bác sĩ trước khi sử dụng Ribomin nếu bạn đang dùng Vitamin A liều cao.
- **Phụ nữ mang thai:** Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu bạn đang mang thai. Liều vitamin theo nhu cầu hàng ngày không gây tác dụng có hại trên thai nhi.
- **Phụ nữ cho con bú:** Thông báo cho bác sĩ nếu bạn đang cho con bú.
- **Ảnh hưởng của thuốc đối với công việc:** Thuốc không gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe, vận hành máy móc, làm việc trên cao hoặc các trường hợp khác.
KHI NÀO CẦN THAM VẤN BÁC SĨ, DƯỢC SĨ
- Tiền sử loét dạ dày.
- Bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan,
- Bệnh gút, viêm khớp do gút.
- Bệnh đại tràng đường.
- Tăng sarcoidosis.
- Thiếu năng tuyến cận giáp.
- Trẻ em có hàm lượng calci cao trong máu, sỏi thận, rối loạn chức năng thận.
- Phụ nữ mang thai hoặc cho con bú.
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.
HẠN DÙNG
24 tháng (kể từ ngày sản xuất).
NGÀY XEM XÉT SỬA ĐỔI, CẬP NHẬT LẠI NỘI DUNG HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

